CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Thủy điện Hương Sơn

Ngày 30/09/2025	30,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	3.0%	**7.5%**	**21.0%**

DT thuần
Q3/25
52.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.70| -3.1%
YoY: ▲ 15.6| 42.2%

LN thuần
Q3/25
23.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▼6.60| -22.1%
YoY: ▲ 5.50| 30.5%

LN sau thuế
Q3/25
22.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▼6.30| -22.2%
YoY: ▲ 5.20| 30.5%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
50.3%
YoY: +/-▼ 11.8%

ROE (TTM)
Q3/25
23.4%
YoY: +/-▲ 0.1%

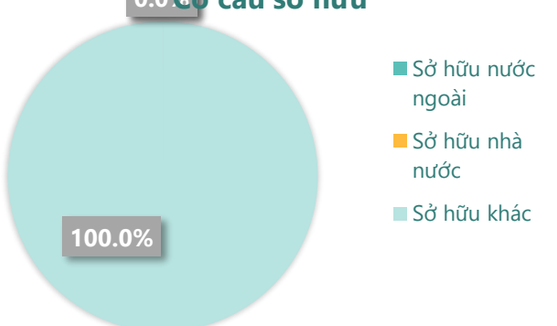
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	19,943 - 31,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	877
Số lượng CPLH (CP)	28,562,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	10,335
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.56
EPS	4,260
P/E	7.2

DT thuần
9T 2025
156
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 77.2| 97.9%

LN thuần
9T 2025
76.6
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 54.5| 246%

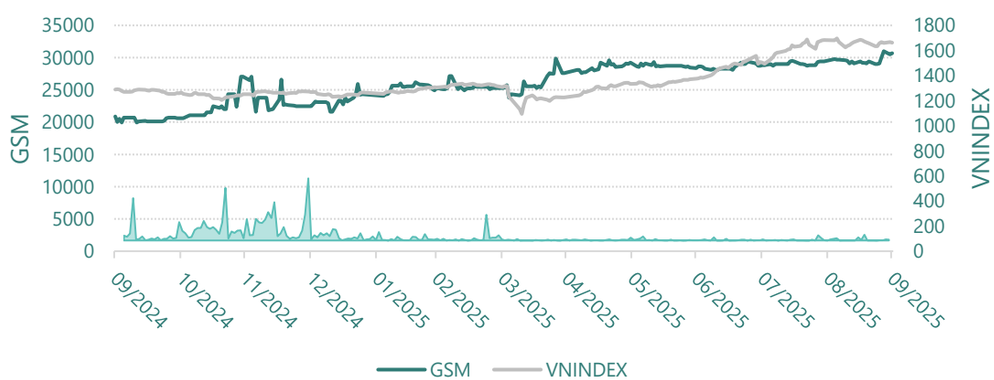
LN sau thuế
9T 2025
72.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 51.9| 247%

Cơ cấu sở hữu

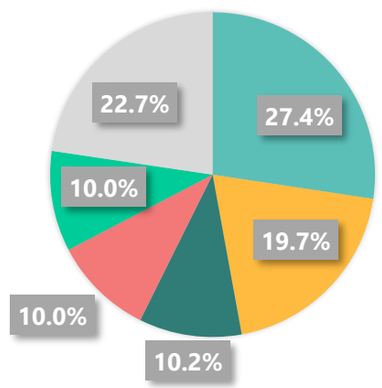


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

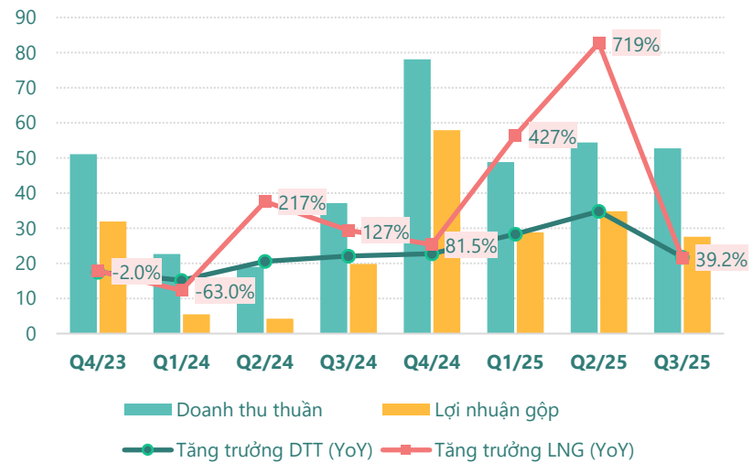


- CTCP Dịch vụ Khách sạn Kim Thành
- Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP
- Nguyễn Thị Linh Giang
- Công ty TNHH Đại Hiệp
- Trần Thị Kim Thoa (Thành viên HĐQT)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

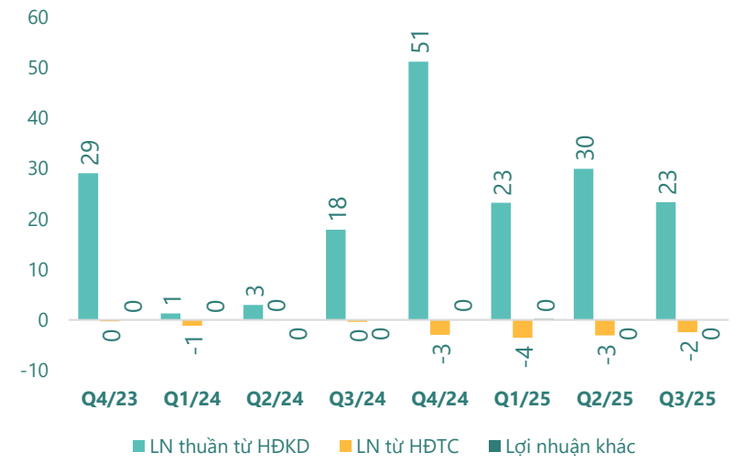
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



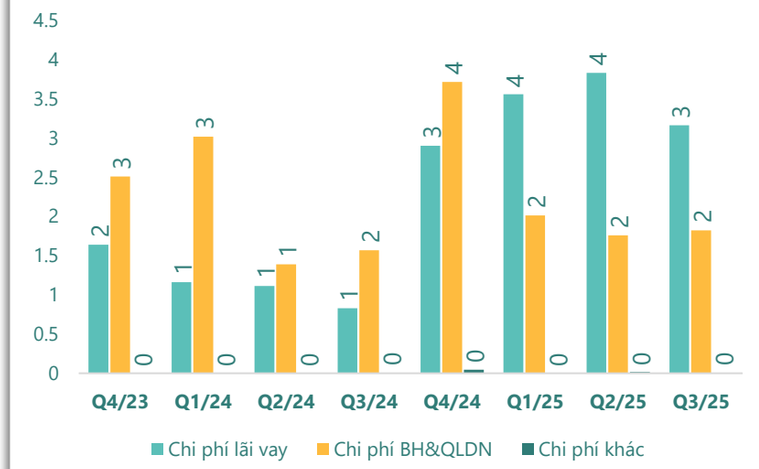
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



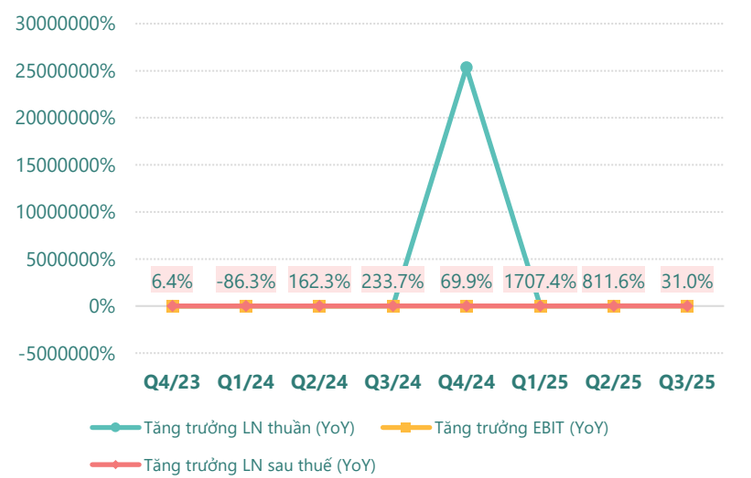
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



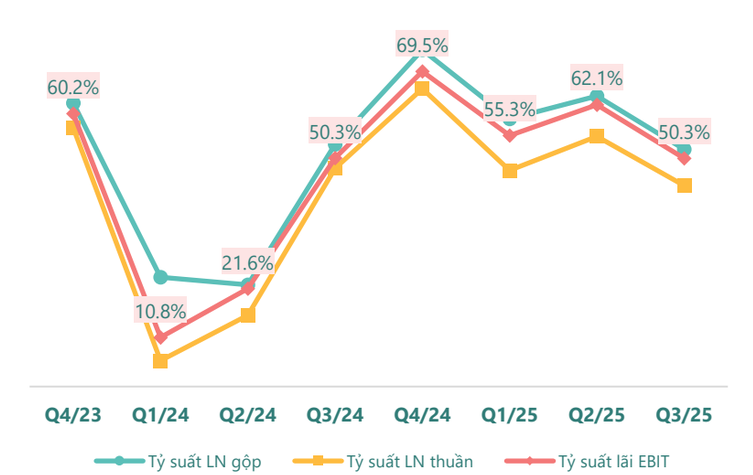
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



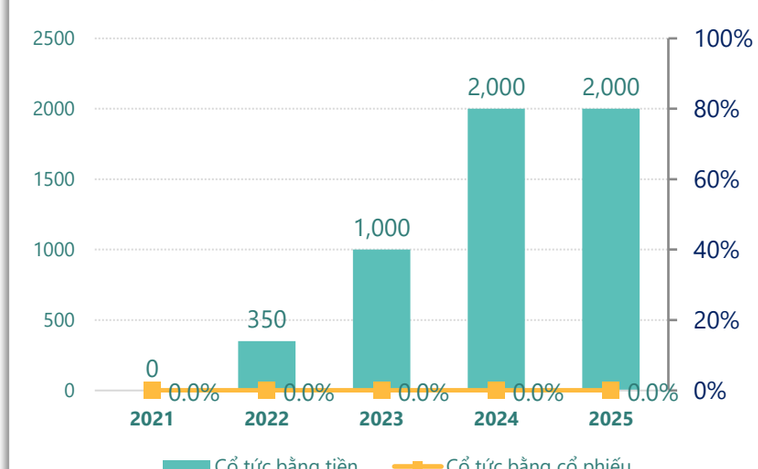
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

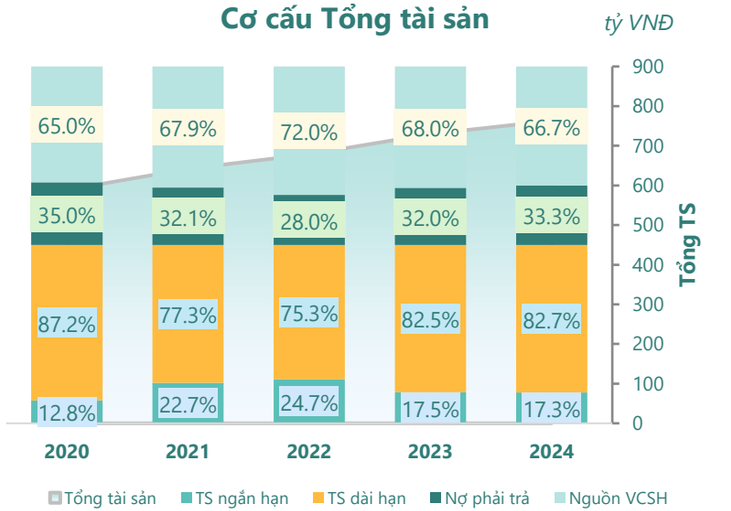
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

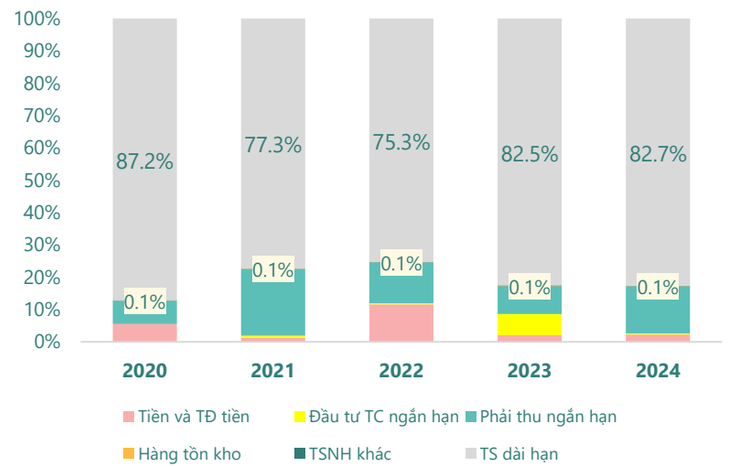
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



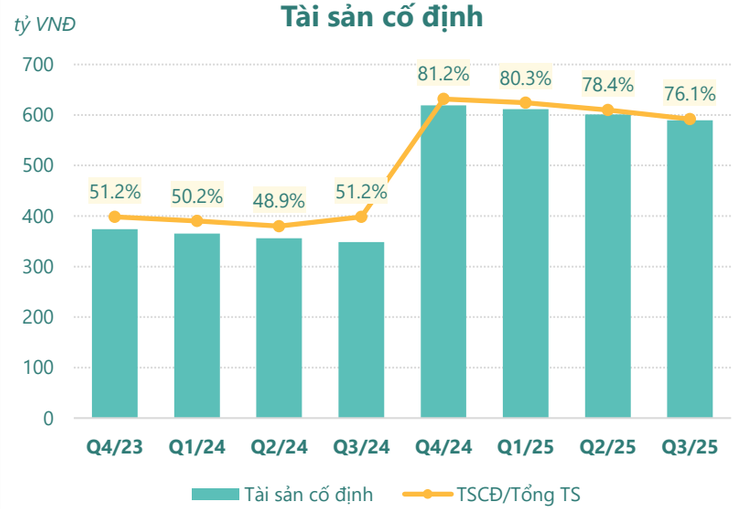
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



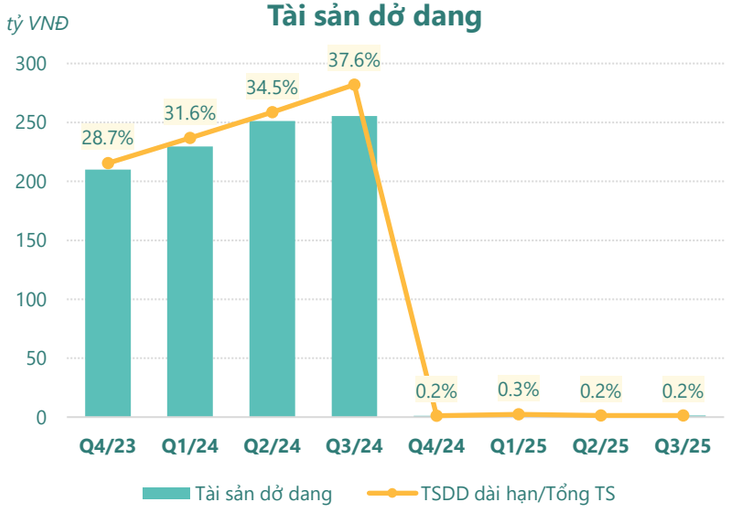
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



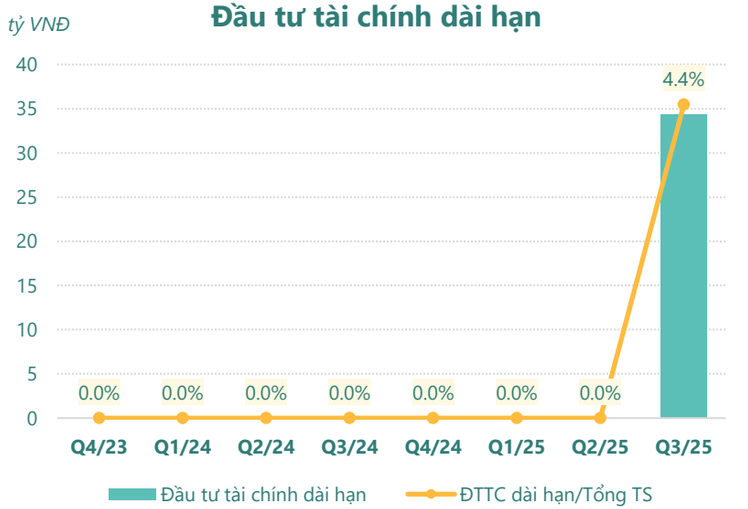
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



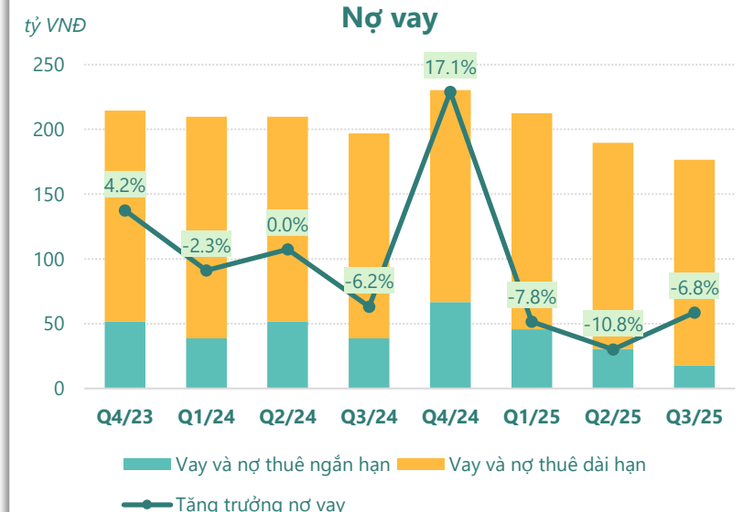
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

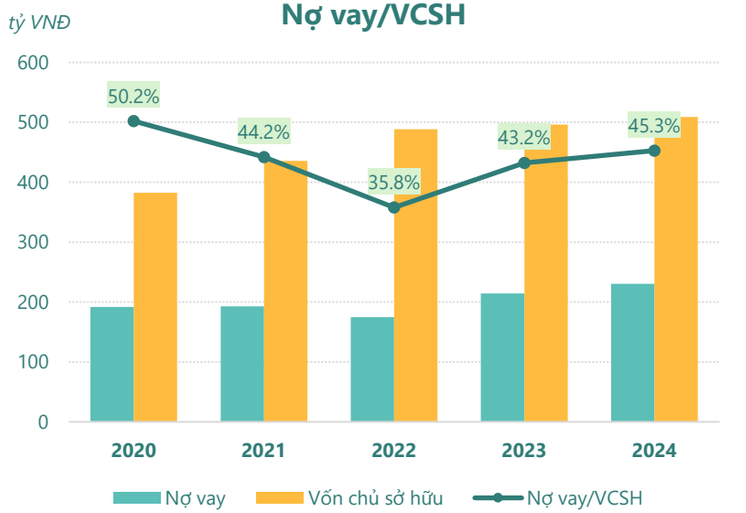
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

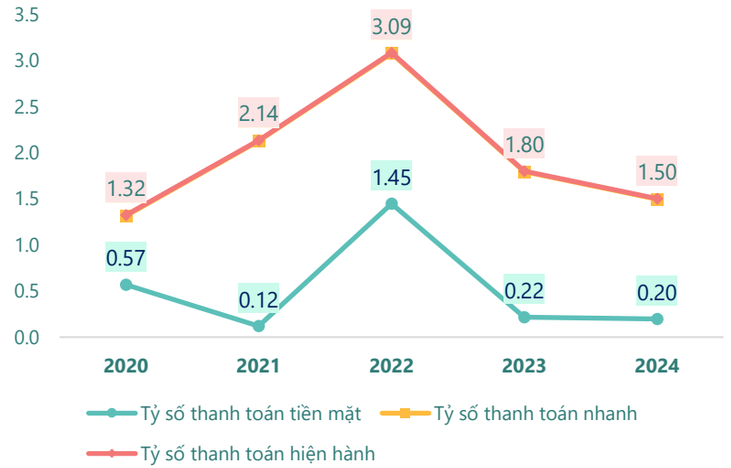
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



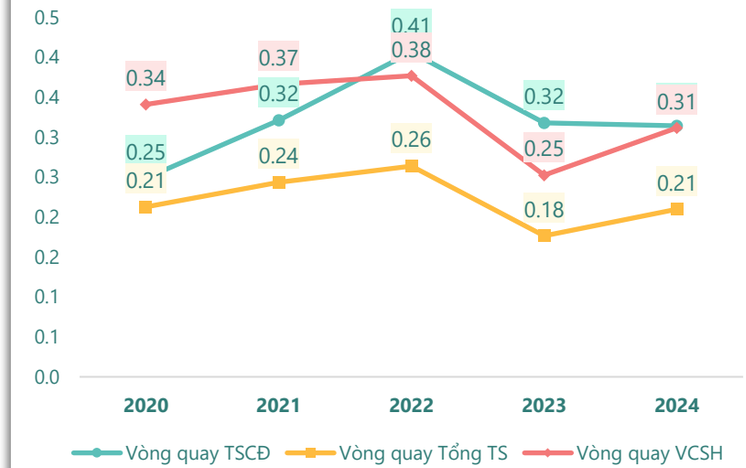
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



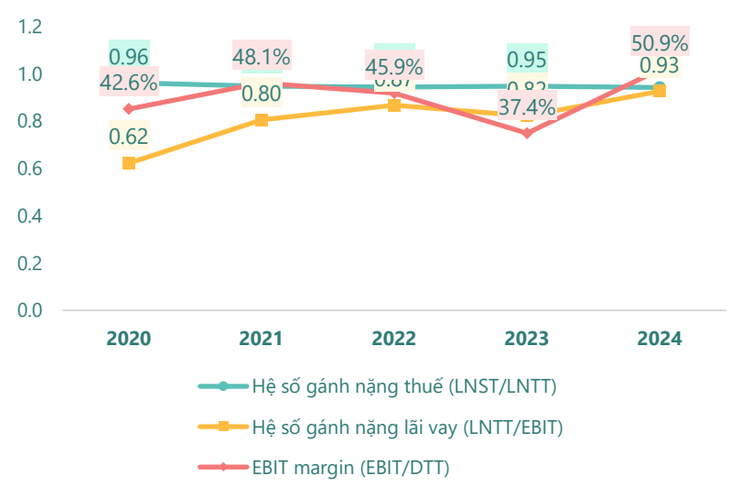
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



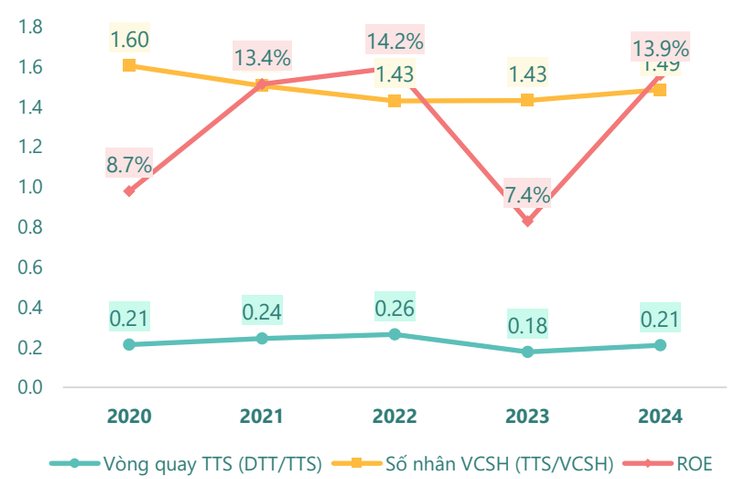
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



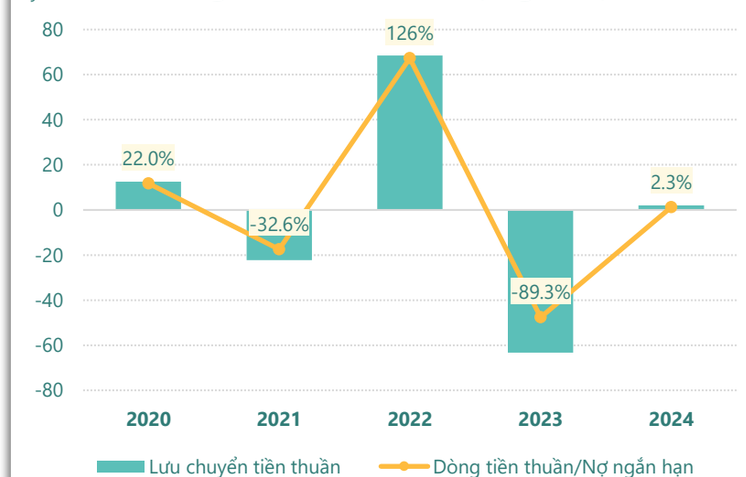
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**52.7**	**37.1**	**42.2%**	**156**	**78.8**	**97.9%**
Giá vốn hàng bán	25.1	17.3	45.3%	64.7	49.3	31.4%
Lợi nhuận gộp	27.6	19.8	39.4%	91.3	29.5	209%
Doanh thu HĐTC	0.75	0.45	66.9%	1.49	1.68	-11.5%
Chi phí TC	3.16	0.83	281%	10.6	3.10	240%
Chi phí lãi vay	3.16	0.83	281%	10.6	3.10	240%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**1.82**	**1.57**	**16.1%**	**5.60**	**5.98**	**-6.3%**
LN thuần từ HĐKD	23.4	17.9	30.5%	76.6	22.1	246%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**0.00**		**0.17**	**0.00**	**4256%**
LN trước thuế	23.4	17.9	30.5%	76.8	22.1	247%
Lợi nhuận sau thuế	**22.2**	**17.0**	**30.5%**	**72.9**	**21.0**	**247%**
LNST của CĐ cty mẹ	**22.2**	**17.0**	**30.5%**	**72.9**	**21.0**	**247%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	8.73	-46.4	-16.5	30.3	54.9	81.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.76	57.9	17.1	-22.1	-34.5	-49.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-12.9	-12.9	2.08	-17.9	-22.9	-12.9
Tiền đầu kỳ	17.1	13.9	12.6	15.3	5.48	2.44
Lưu chuyển tiền thuần	**-3.43**	**-1.34**	**2.69**	**-9.77**	**-2.51**	**19.2**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	13.7	12.5	15.2	5.48	2.98	21.7

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**775**	**763**	**1.5%**
Tài sản ngắn hạn	142	132	7.6%
Tiền và tương đương tiền	21.7	17.4	24.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	75.5	2.57	2845%
Phải thu ngắn hạn	43.9	111	-60.5%
Hàng tồn kho	0.46	0.46	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.18	0.14	30.7%
Tài sản dài hạn	**633**	**632**	**0.2%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	590	623	-5.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.29	1.19	7.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	34.4	0	
Tài sản dài hạn khác	**7.92**	**7.06**	**12.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	193	254	-24.1%
Nợ ngắn hạn	**34.1**	**87.7**	**-61.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	17.6	63.7	-72.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	6.07	8.54	-28.9%
Nợ dài hạn	159	167	-4.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	159	167	-4.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**582**	**509**	**14.3%**
Vốn chủ sở hữu	**582**	**509**	**14.3%**
Vốn điều lệ	286	286	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)